

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 15-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K' Tiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và bà Đỗ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, Sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu P (SN 1957), con bà Bùi Thị H (SN: 1960); có chồng là Lê Văn H1 (SN: 1981). Bị cáo có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009); bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2020 – có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Mai Thị L, địa chỉ: Ấp Hiệp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Thanh N, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

+ Bà Đặng Thị H2, địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Huy B, địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV nông sản Thành L (gọi tắt là Công ty TL), địa chỉ: thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông được thành lập vào ngày 01/11/2018, do Nguyễn Hữu A, sinh năm 1987 làm Giám đốc (A là em trai của Nguyễn Thị T, T

nhờ A đứng tên), Nguyễn Thị T là Kế toán của Công ty. Mặc dù Công ty do A làm Giám đốc, tuy nhiên mọi hoạt động đều do Nguyễn Thị T điều hành. Ngành nghề kinh doanh chính là mua bán phân bón và nông sản. Từ khi T lập đến tháng 3 năm 2019, quá trình kinh doanh Công ty TL luôn thua lỗ, tính đến ngày 13/3/2019, Công ty TL nợ cá nhân với tổng số tiền là 9.122.072.670 đồng. Cụ thể như sau:

- Nợ 21 cá nhân số tiền 5.062.270.000 đồng;
- Vay và nhận ký gửi 85.028 kg cà phê, 27.243,2 kg hồ tiêu khô của 30 hộ dân, tính T tiền là 4.059.802.670 đồng.

Trong khi đó có 44 hộ dân vay, ứng tiền và nợ tiền phân bón của T với số tiền 1.422.844.653 đồng. Như vậy, đến ngày 13/3/2019, Nguyễn Thị T đã mất cân đối tài chính với số tiền 7.699.228.017 đồng.

Mặc dù, biết được tình hình tài chính của Công ty TL rơi vào tình trạng rất khó khăn, không thể tiếp tục kinh doanh vì không còn tiền, lại nợ nhiều người. Trong khi đó nhiều hộ dân liên tục đòi nợ T. Tuy nhà không có tiêu, không có tiền nhưng khoảng 14 giờ ngày 13/3/2019, T gọi điện thoại cho bà Mai Thị L (*SN: 1973; trú tại ấp Hiệp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước*) chốt số lượng tiêu bán cho bà L từ 05 tấn đến 06 tấn tiêu và nói bà L cho T lấy tiền trước để T mua tiêu và sẽ giao tiêu vào ngày 15/3/2019. Vì là bạn hàng buôn bán lâu năm với nhau, hơn nữa T cũng đang nợ tiền của bà L nên bà L tin tưởng đồng ý chuyển tiền cho T. Sáng ngày 14/3/2019, bà L đến Chi nhánh Ngân hàng AgriBank tỉnh Bình Phước nộp 200.000.000 đồng vào số tài khoản của Nguyễn Thị T. Đến ngày 15/3/2019, không thấy T giao tiêu như thỏa thuận, bà L nhiều lần gọi điện thoại cho T, T cứ hứa hẹn rồi, sau đó T tắt máy điện thoại, bà L đến Công ty của T thì thấy đóng cửa.

Khoảng 09 giờ ngày 14/3/2019, T tiếp tục gọi điện thoại cho bà Bùi Thị Thanh N (*SN: 1975; trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) đặt vấn đề chốt giá bán 05 tấn tiêu và đề nghị bà N chuyển tiền trước để T mua tiêu và thống nhất ngày 15/3/2019 T sẽ giao tiêu. Tin tưởng T nên bà N đồng ý, sau đó T nói Lê Văn H (*SN: 1981, là chồng của T*) vào nhà bà N nhận số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2019, bà N nghe thông tin của một số hộ dân là T đã bỏ đi, bà N đến Công ty của T thì thấy đóng cửa.

Khoảng 15 giờ ngày 14/3/2019, bà Đặng Thị H2 (*SN: 1967; trú tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) gọi điện thoại cho T vào nhà để bán tiêu, với số lượng 702,3kg. Lúc này, T không có ở nhà nên gọi Lê Văn H vào nhà của bà H2 chở tiêu ra cửa hàng và gọi cho Trần Thị Lệ Duyên (*SN: 1995, là em dâu của T*) cân tiêu và ghi phiếu cho bà H2 đợi T về tính tiền. Cùng ngày, số tiêu này T đã bán lại cho người khác với số tiền 28.000.000 đồng, số tiền này T cũng không trả cho bà H2.

Tổng số tiền 400.000.000 đồng mà T lấy của bà L, bà N và 28.000.000 đồng là số tiền có được từ việc mua tiêu của bà H2 rồi bán lại cho người khác, T không trả tiền cho bà H2 mà sử dụng vào việc cá nhân

Như vậy, Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà Mai Thị L số tiền 200.000.000 đồng; bà Bùi Thị Thanh N số tiền 200.000.000 đồng và bà Đặng Thị H2 702,3kg tiêu, trị giá 33.244.986 đồng. Tổng số tiền mà Nguyễn Thị T đã chiếm là 433.244.986 đồng (*Bốn trăm ba mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng*).

Theo kết quả điều tra xác định, Nguyễn Thị T còn nợ tiền, ký gửi nông sản và vay nông sản của một số hộ dân khác trên địa bàn cũng như còn nợ bà Mai Thị L, bà Bùi Thị Thanh N, bà Đặng Thị H2 và một số hộ dân nợ tiền của Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, đây là các giao dịch dân sự, nếu các bên nhận thấy quyền lợi hợp pháp của mình bị xâm phạm thì được quyền khởi kiện T một vụ án dân sự.

Tại Bản kết luận giám định số 92/GĐTL-PC09 ngày 22/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận (*BL 134*):

- + Chữ ký dạng chữ viết “H” dưới phần nội dung trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Lê Văn H trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

- + Các chữ “*ứng tiền mua tiêu ngày 15/3 cân hàng*” không được viết cùng một loại mực và một bút viết với các chữ còn lại phần nội dung trên tài liệu cần giám định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 130/KL-HĐĐG ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận (*BL 140*): Giá trị của 702,3kg hạt tiêu khô; Dem 545, độ: 13⁰6 trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tại thời điểm ngày 14/3/2019 là 702,3kg x 44.700 đồng/kg x (1+0,0,14+0,045+0) = 33.244.986 đồng.

- * Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2 Pro, kiểu máy: SM-J250F/DS, số IMEI1: 354802/09/357929/1, số IMEI2: 354803/09/357929/9, màu sắc bạc, trong máy gắn hai sim (*01 sim Vinaphone và 01 sim Viettel*);

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia TA1010, Code: 059Z166, số IMEI: 352891101454425, trong máy gắn 01 sim Vinaphone.

Cáo trạng số: 15/CTr-VKS(P1) ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 3 Điều

174, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2 Pro, kiểu máy: SM-J250F/DS, số IMEI1: 354802/09/357929/1, số IMEI2: 354803/09/357929/9, màu sắc bạc, trong máy gắn hai sim (01 sim Vinaphone và 01 sim Viettel); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia TA1010, Code: 059Z166, số IMEI: 352891101454425, trong máy gắn 01 sim Vinaphone.

- Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho các bị hại: Bà Mai Thị L số tiền 125.000.000 đồng; bà Bùi Thị Thanh N số tiền: 160.000.000 đồng; bà Đặng Thị H2 số tiền: 33.244.986 đồng đồng;

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị hại: Tại phiên tòa bà Mai Thị L có đơn đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bà bà Bùi Thị Thanh N không có ý kiến tranh luận, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bà Đặng Thị H2 đề nghị HĐXX xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Do đó, căn cứ vào kết quả giám định, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận:

Mặc dù hoạt động kinh doanh của Nguyễn Thị T bị thâm hụt, thua lỗ, mất cân đối tài chính và không có khả năng chi trả các khoản nợ (với tổng số nợ 7.729.128.170 đồng) nhưng T không cho ai biết. Tuy nhà không có tiêu, không có tiền mua tiêu nhưng vì để có tiền trả nợ cho những người T đã nhận ký gửi nông sản trước đó, T đã đưa ra thông tin gian dối để chốt giá tiêu, ứng tiền mua tiêu. Sau khi nhận được tiền, T không thu mua tiêu để giao hàng và trả tiền mà bỏ đi khỏi nơi cư trú, cắt liên lạc. Cụ thể hành vi chiếm đoạt như sau:

Ngày 13 và 14/3/2019, T chủ động liên hệ với bà Mai Thị L và bà Bùi Thị Thanh N để chốt số lượng tiêu bán cho bà L từ 05 tấn đến 06 tấn tiêu, bà N 05 tấn tiêu và lấy trước số tiền 400.000.000 đồng (Trong đó: Bà L 200.000.000 đồng và bà N 200.000.000 đồng) với thỏa thuận là T sẽ giao đủ số lượng tiêu

vào ngày 15/3/2019 đồng thời T mua của bà Đặng Thị H2 702,3kg tiêu, giá trị 33.244.986 đồng. Vì là bạn hàng làm ăn với nhau nên bà L, bà N và bà H2 đã tin tưởng giao tiền và bán tiêu cho T. Sau khi nhận được tiền T không đi mua tiêu để giao như thỏa thuận và trả tiền mua tiêu đã ứng trước đó cho bà H2 mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Tổng số tiền T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của những người bị hại là 433.244.986 đồng (*Tại các bút lục số 502, 675 - 679, 681 - 684, 692 - 693, 744 - 744a, 755 - 759*). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi nêu trên của Nguyễn Thị T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...”

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại và trật tự quản lý hành chính của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm đảm bảo được việc giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhiều lần, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T trong quá trình điều tra và xét xử đã T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện trả cho bà Mai Thị L số tiền 75.000.000 đồng, bà Bùi Thị Minh N số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình giải quyết các bị hại là Bùi Thị Thanh N, bà Mai Thị L đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung : Xét thấy, bị cáo lâm vào tình trạng nợ nần, khó khăn và không có tài sản gì nên không cần thiết phải phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 466, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc Nguyễn Thị T tiếp tục trả cho bà Mai Thị L số tiền 125.000.000 đồng; bà Bùi Thị Thanh N số tiền: 160.000.000 đồng; bà Đặng Thị H2 số tiền: 33.244.986 đồng đồng (*tương đương 702,3kg tiêu*).

[8]. Về xử lý tài liệu, đồ vật bị thu giữ: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2 Pro, kiểu máy: SM-J250F/DS, số IMEI1: 354802/09/357929/1, số IMEI2: 354803/09/357929/9, màu sắc bạc, trong máy gắn hai sim (01 sim Vinaphone và 01 sim Viettel); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia TA1010, Code: 059Z166, số IMEI: 352891101454425, trong máy gắn 01 sim Vinaphone cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 20/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 466, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc Nguyễn Thị T tiếp tục trả cho bà Mai Thị L số tiền 125.000.000 đồng; bà Bùi Thị Thanh N số tiền: 160.000.000 đồng; bà Đặng Thị H2 số tiền: 33.244.986 đồng đồng (*trương đương 702,3kg tiêu*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 32 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2 Pro kiểu máy: SM-J250F/DS, số IMEI1: 354802/09/357929/1, số IMEI2: 354803/09/357929/9, màu sắc bạc, trong máy gắn hai sim (01 sim Vinaphone và 01 sim Viettel); 01 (một) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia TA1010 Code: 059Z166, số IMEI: 352891101454425, trong máy gắn 01 sim Vinaphone.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 15.912.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên

án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam CATỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

K' Tiếng